

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST

Ngày 04-3-2026

V/v tranh chấp ly hôn,

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Tạ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Văn Thị T**, nơi cư trú: Số A W C, H, AR G, Hoa Kỳ; nơi thường trú: H, xã P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Vũ Ngọc H**, địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt. hoà, V, Hải Phòng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Văn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, chị Văn Thị T xây dựng hạnh phúc với anh Vũ Ngọc H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện K (nay là xã K), thành phố Hải Phòng vào ngày 15/02/2023. Anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau và không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, anh chị đã sống ly thân được một thời gian dài. Nay chị T xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với

anh H. Về con chung: Chị T và anh H không có con chung. Về tài sản chung, công nợ và các nội dung khác chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Ngọc H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có lời trình bày.

Kết quả xác minh tại gia đình anh H, thôn Đ và Ủy ban nhân dân xã K thể hiện tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh H như nội dung chị T đã trình bày.

Tại phiên tòa, chị Văn Thị T và anh Vũ Ngọc H đều vắng mặt. Chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự về cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân, cho chị Văn Thị T được ly hôn anh Vũ Ngọc H. Về con chung và tài sản chung, công nợ và các nội dung khác chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị Văn Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Văn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Vũ Ngọc H, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H là bị đơn và cư trú tại thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục giải quyết vụ án và sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng trong vụ án cho các đương sự. Tuy nhiên anh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Chị T có đơn xin xét xử vắng

mặt. Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị T và anh Vũ Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện K (nay là xã K) thành phố Hải Phòng vào ngày 15/02/2023. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, không có sự chia sẻ, thông cảm, quan tâm, yêu thương lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và anh chị cũng không tìm được giải pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn đó. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được giải quyết ly hôn với anh H. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Điều đó phần nào thể hiện ý chí không mong muốn hòa giải, đoàn tụ vợ chồng của anh H. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn của anh chị đã căng thẳng và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị T được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Chị Văn Thị T và anh Vũ Ngọc H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các nội dung khác: Chị Văn Thị T và anh Vũ Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Văn Thị T là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Văn Thị T và anh Vũ Ngọc H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị T được ly hôn anh Vũ Ngọc H.
2. Về con chung: Chị Văn Thị T và anh Vũ Ngọc H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Chị Văn Thị T và anh Vũ Ngọc H đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Chị Văn Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Văn Thị T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005616 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Văn Thị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Văn Thị T và anh Vũ Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND KV6 - HP;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND xã Kiến Thụy;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên